

**TRƯỜNG THPT NGUYỄN VIỆT HỒNG**  
**TỔ SỬ - ĐỊA - GDKT&PL**

**NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA ĐỊA LÍ KHỐI 10**  
**CUỐI KỲ II NĂM HỌC 2025 - 2026**

**A. NỘI DUNG LÝ THUYẾT**

**CHƯƠNG 11. ĐỊA LÍ NGÀNH CÔNG NGHIỆP**

**Bài 28. VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM, CƠ CẤU NGÀNH CÔNG NGHIỆP,**  
**CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI**  
**SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ CÔNG NGHIỆP**

**1. Vai trò, đặc điểm và cơ cấu ngành công nghiệp**

**a. Vai trò**

- Cung cấp tư liệu sản xuất cho toàn bộ nền kinh tế, góp phần thúc đẩy tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- Cung cấp lượng hàng tiêu dùng phong phú và đa dạng.
- Cung cấp nguồn hàng xuất khẩu quan trọng.
- Tạo việc làm và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân
- Góp phần khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên.

**→ Đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, có tác động toàn diện tới sản xuất và đời sống xã hội.**

**b. Đặc điểm**

- Gắn liền với sử dụng máy móc và áp dụng công nghệ.
- Có mức độ tập trung hoá, chuyên môn hoá và hợp tác hoá rất cao.
- Tiêu thụ nguyên liệu lớn nên lượng chất thải ra môi trường nhiều.
- Có tính linh động cao trong phân bố theo không gian lãnh thổ.
- Nền công nghiệp hiện đại gắn liền với tự động hoá, ứng dụng công nghệ cao, đẩy mạnh nghiên cứu và phát triển.

**→ Công nghiệp là một tập hợp các hoạt động sản xuất, thông qua các quá trình công nghệ để tạo ra sản phẩm.**

**c. Cơ cấu**

**- Khái niệm:**

Cơ cấu ngành công nghiệp gồm tổng thể các ngành, nhóm ngành tạo nên công nghiệp và mối quan hệ giữa chúng.

**- Cơ cấu:**

Dựa vào tính chất tác động đến đối tượng lao động, chia thành 2 nhóm:

+ Công nghiệp khai thác: Gồm các ngành khai thác tài nguyên thiên nhiên.

+ Công nghiệp chế biến: Gồm các ngành chế biến vật chất tự nhiên và nhân tạo. **thành các sản phẩm phục vụ cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng.**

**2. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI SỰ PHÂN BỐ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP**

### a. Các nhân tố bên trong

- Vị trí địa lí: ảnh hưởng tới việc phân bố các cơ sở sản xuất, mức độ thuận lợi trong tiếp cận các nhân tố bên ngoài.
- Điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên: ảnh hưởng trực tiếp đến việc xác định cơ cấu và phân bố ngành công nghiệp.
- Điều kiện KT – XH: quyết định sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp.

### b. Các nhân tố bên ngoài: tạo sức mạnh, điều kiện để phát triển và phân bố các ngành công nghiệp.

- Vốn đầu tư: Thúc đẩy sự phát triển công nghiệp.
- Tiến bộ khoa học - kĩ thuật: Cho phép khai thác, sử dụng tài nguyên, phân bố các ngành công nghiệp hợp lí. Nâng cao năng suất, chất lượng.
- Thị trường: tác động tới hướng chuyên môn hóa sản phẩm.

## Bài 29. ĐỊA LÍ MỘT SỐ NGÀNH CÔNG NGHIỆP

### 1. Công nghiệp khai thác than, dầu khí, quặng kim loại

Nội dung	CN khai thác than	CN khai thác dầu khí	CN khai thác quặng kim loại
Vai trò	<ul style="list-style-type: none"><li>- Là nguồn năng lượng truyền thống và cơ bản.</li><li>- Được sử dụng làm nhiên liệu cho CN nhiệt điện, luyện kim.</li><li>- Làm nguyên liệu cho CN hóa chất.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Là nguồn năng lượng truyền thống và cơ bản.</li><li>- Nguyên liệu để xuất hoá phẩm, dược phẩm</li><li>- Xuất khẩu dầu khí là nguồn thu ngoại tệ chủ yếu của nhiều nước.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Phát triển gắn liền với CNH.</li><li>- Sử dụng để SX máy móc, thiết bị, làm vật liệu trong xây dựng, GTVT</li><li>- Được sử dụng nhiều ở các thiết bị trong đời sống...</li></ul>
Đặc điểm	<ul style="list-style-type: none"><li>- Xuất hiện sớm.</li><li>- Gây ô nhiễm môi trường.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Các mỏ dầu phân bố sâu trong lòng đất.</li><li>- Việc khai thác phụ thuộc vào tiến bộ KH – KT, tác động mạnh tới sự phát triển KT thế giới.</li><li>- Ảnh hưởng lớn đến MT và gây biến đổi khí hậu.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Gồm: KL đen, KL màu, KL quý, KL hiếm...</li><li>- Có nguy cơ ngày càng cạn kiệt và gây ô nhiễm MT.</li></ul>
Phân bố	Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kỳ, In – đô – nê – xi – a, LB	- Các quốc gia khai thác dầu: Ả - rập Xê – Út, I – ran, Hoa	- Sắt (LB Nga, Trung Quốc, U - crai – na, Ấn Độ,

	Nga...	Kỳ - Các quốc gia khai thác khí: Hoa Kỳ, LB Nga, Ca – ta, I – ran...	Bra – xin, Hoa Kỳ...) - Bô xít (Ô – xtrây – li – a, Gia – mai – ca, Bra - xin). - Đồng: Chi lê, Hoa Kỳ, Ca – na – đa, LB Nga...
<b>Liên hệ Việt Nam</b>	- Sản lượng khai thác ngày càng tăng. - Phân bố nhiều ở TDMNBB, đặc biệt tỉnh Quảng Ninh.	- Khai thác từ 1986 và sản lượng ngày càng tăng. - CN khai thác dầu khí phát triển ở Vũng Tàu.	- Phân bố rộng khắp cả: Vàng (Quảng Nam), Bô xít (Tây Nguyên), Sắt (Cao Bằng)...

## 2. Công nghiệp điện tử, tin học, CN sản xuất hàng tiêu dùng, CN thực phẩm

Nội dung	CN điện tử, tin học	CN SX hàng tiêu dùng	CN thực phẩm
<b>Vai trò</b>	- Tạo ra những thay đổi lớn trong phương thức SX, đời sống XH, hỗ trợ tái tạo và bảo vệ môi trường. - Làn ngành CN mũi nhọn của nhiều nước. - Là thước đo trình độ phát triển KT, kĩ thuật của mọi quốc gia	- Là ngành không thể thiếu trong cơ cấu CN của mọi quốc gia. - SX ra các hàng hoá thông dụng, phục vụ cuộc sống hằng ngày của người dân và xuất khẩu. - Tận dụng nguồn lao động tại chỗ, huy động sức mạnh của các thành phần kinh tế.	- Cung cấp sản phẩm đáp ứng nhu cầu hằng ngày về ăn uống của con người. - Thúc đẩy nông nghiệp phát triển. - Tạo ra nhiều mặt hàng xuất khẩu. - Tạo việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.
<b>Đặc điểm</b>	- Là ngành CN non trẻ, đòi hỏi nguồn lao động có trình độ chuyên môn cao CSHT và CSVC – KT phát triển. - Sản phẩm phong phú, đa dạng, luôn thay đổi theo hướng HDH. - Ít gây ô nhiễm môi trường.	- Đòi hỏi vốn đầu tư ít, hoàn vốn nhanh, thời gian xây dựng ngắn, quy trình đơn giản. - Chịu ảnh hưởng từ nhân ông, nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ sp, gây ô nhiễm môi trường không khí và nước.	- Sản phẩm của ngành công nghiệp thực phẩm rất phong phú, đa dạng. - Nguyên liệu chủ yếu là các sản phẩm từ ngành trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản. - Vấn đề an toàn thực phẩm được chú trọng.
<b>Phân bố</b>	Ở hầu hết ở các nước	- Phân bố rộng rãi trên	- Có mặt ở tất cả các

	phát triển và một số nước đang phát triển: Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc, các nước châu Âu, Trung Quốc, Ấn Độ...	thế giới, đặc biệt ở các nước có nhân lực dồi dào, giá nhân công rẻ, thị trường tiêu thụ lớn: Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản...	quốc gia, đặc biệt là các nước có nguồn nguyên liệu dồi dào, có nhu cầu tiêu thụ lớn: Trung Quốc, Ấn Độ, Hoa Kỳ, EU,
--	---	--	--

### Bài 30. TỔ CHỨC LÃNH THỔ CÔNG NGHIỆP

#### 1. Quan niệm và vai trò

- **Quan niệm:** Là việc bố trí, sắp xếp các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp để tạo nên các không gian lãnh thổ công nghiệp các cấp khác nhau.

- **Vai trò:** + Sử dụng hợp lí các điều kiện tự nhiên và nguồn tài nguyên thiên nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội nhằm đạt hiệu quả cao nhất về KT - XH và môi trường.

+ Phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước.

+ Thu hút nguồn lực từ bên ngoài lãnh thổ.

#### 2. Một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp

Hình thức	Điểm CN	Khu CN	Trung tâm CN
<b>Vai trò</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Góp phần vào quá trình CNH, tiêu thụ sản phẩm và nâng cao giá trị của sản phẩm nông nghiệp.</li> <li>- Tạo việc làm, đóng góp vào nguồn thu của địa phương</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức quan trọng và phổ biến ở các nước đang phát triển.</li> <li>- Đóng góp lớn vào giá trị xuất khẩu.</li> <li>- Tạo ra cơ sở hạ tầng đồng bộ</li> <li>- Góp phần giải quyết việc làm và bảo vệ môi trường</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có vị trí quan trọng trong nền kinh tế, chiếm tỉ trọng đáng kể trong giá trị sản xuất và GDP cả nước.</li> <li>- Là hạt nhân tạo vùng kinh tế.</li> <li>- Là nơi đón đầu công nghệ mới và tạo ra những đột phá trong sản xuất.</li> </ul>
<b>Đặc điểm</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức đơn giản nhất, đồng nhất với một điểm dân cư.</li> <li>- Gồm một số xí nghiệp nằm gần nguồn cung cấp nguyên nhiên liệu.</li> <li>- Không có hoặc có rất ít mối liên hệ giữa các xí nghiệp.</li> <li>- Hoạt động SX đa</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tập trung tương đối nhiều xí nghiệp với khả năng hợp tác sản xuất cao trên một khu vực có ranh giới xác định, cùng sử dụng chung CSHT.</li> <li>- Sản xuất sản phẩm vừa để tiêu thụ trong nước vừa để xuất khẩu.</li> <li>- Các xí nghiệp nằm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gắn với đô thị vừa và lớn có vị trí thuận lợi.</li> <li>- Bao gồm các KCN, điểm CN và các xí nghiệp CN có mối liên hệ chặt chẽ về quy trình công nghệ.</li> <li>- Có các xí nghiệp hạt nhân và các xí nghiệp bổ trợ.</li> </ul>

	dạng, dễ ứng phó với các sự cố thay đổi thiết bị, không làm ảnh hưởng các xí nghiệp khác.	trong khu công nghiệp được hưởng quy chế ưu đãi riêng.	- Có dân cư sinh sống và CSVC – KT, CSHT hoàn thiện. - Có nguồn lao động dồi dào và trình độ tay nghề cao.
--	---	--	---

### **Bài 31. TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO,**

#### **ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TRONG TƯƠNG LAI**

#### **I. TÁC ĐỘNG CỦA CÔNG NGHIỆP TỚI MÔI TRƯỜNG**

- Công nghiệp có tác động lớn tới môi trường cả tích cực và tiêu cực.
- Tác động tiêu cực: Phá vỡ chu trình cân bằng vật chất của môi trường; gây ô nhiễm môi trường
- Nguyên nhân: Sử dụng công nghệ lạc hậu, chưa đảm bảo xử lý chất thải trước khi thải ra môi trường.
- Giải pháp: Đổi mới công nghệ; Phân loại và tái chế rác thải.

#### **II. PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO**

<b>CÂU HỎI</b>	<b>TRẢ LỜI</b>
1. Năng lượng tái tạo là gì?	Năng lượng tái tạo hay còn được gọi theo cách khác là năng lượng sạch, là loại năng lượng sinh ra từ các nguồn thiên nhiên hay các quy trình tự nhiên được hình thành liên tục mà theo góc nhìn của con người là vô hạn.
2. Các loại tài nguyên tái tạo	Sức nước, sức gió, ánh sáng mặt trời, địa nhiệt, nhiên liệu sinh học và các nguồn năng lượng khác có khả năng tái tạo.
3. Vai trò	+ Đảm bảo nguồn cung cấp năng lượng cho các ngành công nghiệp khác. + Đảm bảo an ninh năng lượng cho mỗi quốc gia. + Góp phần giảm phát thải khí nhà kính, giảm nhẹ biến đổi khí hậu.
4. Các quốc gia phát triển	Hoa Kỳ, Nhật Bản, các nước châu Âu,...
5. Các loại đã sử dụng ở Việt Nam	Sức nước, sức gió, ánh sáng mặt trời
6. Vì sao phải sử dụng năng lượng tái tạo?	Việc sử dụng năng lượng hoá thạch làm cạn kiệt tài nguyên và gây ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu. Năng lượng tái tạo thay thế nhiên liệu hóa thạch và đem đến những lợi ích trong việc hạn chế lượng khí carbon thải ra và các loại ô nhiễm khác.

- Năng lượng tái tạo đang thay thế dần nhiên liệu hóa thạch.
- Các loại năng lượng tái tạo như: Sức nước, sức gió, ánh sáng mặt trời, địa nhiệt, nhiên liệu sinh học

- Vai trò: Đảm bảo nguồn cung cấp năng lượng, an ninh năng lượng, giảm ô nhiễm môi trường...

### **III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TRONG TƯƠNG LAI**

Cần phát triển theo hướng bền vững:

- + Chuyển dần sang ngành công nghiệp có kỹ thuật, công nghệ cao.
- + Phát triển công nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh, tạo ra sản phẩm bằng các quy trình không gây ô nhiễm, tiết kiệm nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên, giảm lượng chất thải.
- + Đẩy mạnh sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo.

## **CHƯƠNG 12. ĐỊA LÍ NGÀNH DỊCH VỤ**

### **Bài 33. CƠ CẤU, VAI TRÒ, ĐẶC ĐIỂM, CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ DỊCH VỤ**

#### **1. Cơ cấu**

- Khu vực dịch vụ có cơ cấu ngành hết sức đa dạng và phức tạp. Người ta thường chia dịch vụ thành ba nhóm:

- + Dịch vụ kinh doanh: tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, vận tải hàng hoá, bán lẻ,...
- + Dịch vụ tiêu dùng: y tế, giáo dục, thể dục, thể thao, du lịch, bưu chính viễn thông,...
- + Dịch vụ công: hành chính công, thủ tục hành chính,...

#### **2. Đặc điểm**

- Sản phẩm dịch vụ phần lớn là phi vật chất → có tính vô hình và không đồng nhất.
- Quá trình sản xuất (cung cấp) dịch vụ và tiêu dùng (hưởng thụ) dịch vụ thường diễn ra đồng thời → có tính đồng thời.
- Sự phát triển của khoa học - công nghệ đã làm thay đổi hình thức, cơ cấu, chất lượng của ngành dịch vụ → có tính hệ thống và xã hội hoá cao.

#### **3. Vai trò**

- Giúp các hoạt động sản xuất, phân phối diễn ra một cách thông suốt, đạt hiệu quả cao và giảm rủi ro.
- Thúc đẩy sự phân công lao động, hình thành cơ cấu lao động và cơ cấu kinh tế hợp lý, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- Góp phần tăng thu nhập quốc dân cũng như thu nhập của cá nhân trong xã hội.
- Về mặt xã hội, dịch vụ giúp cho các lĩnh vực của đời sống xã hội và sinh hoạt công cộng diễn ra thuận lợi, nâng cao đời sống con người.
- Về mặt môi trường, dịch vụ góp phần khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.
- Tăng cường toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.

#### **4. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của ngành dịch vụ**

- Vị trí địa lý: thu hút vốn đầu tư, nguồn lao động chất lượng cao, tiếp cận thị trường bên ngoài, thực hiện toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.
- Nhân tố tự nhiên có tác động trực tiếp tới sự phát triển và phân bố của một số loại hình dịch vụ.

- Nhân tố KT - XH có ý nghĩa quan trọng nhất tới sự phát triển và phân bố dịch vụ.
- + Trình độ phát triển kinh tế mang tính quyết định đến định hướng phát triển, trình độ phát triển, quy mô của dịch vụ.
- + Đặc điểm dân số, lao động ảnh hưởng tới tốc độ phát triển, cơ cấu, mạng lưới dịch vụ.
- + Vốn đầu tư, khoa học - công nghệ ảnh hưởng tới quy mô, trình độ phát triển dịch vụ.
- + Thị trường ảnh hưởng tới hướng phát triển, tốc độ và quy mô phát triển dịch vụ.

### **Bài 34. ĐỊA LÝ NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI**

#### **1. Vai trò**

- **Kinh tế:** vận chuyển nguyên liệu, vật tư kỹ thuật,... đến nơi sản xuất và đưa sản phẩm đến nơi tiêu thụ  
→ Thúc đẩy hoạt động sản xuất, kết nối các ngành kinh tế.
- **Đời sống xã hội:** vận tải vận chuyển hành khách, phục vụ nhu cầu đi lại của dân cư, kết nối các địa phương, tăng cường khả năng an ninh quốc phòng, thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế.
- Giao thông vận tải gắn kết giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội

#### **2. Đặc điểm**

- Đối tượng phục vụ: con người và các sản phẩm vật chất.
- Sản phẩm: sự chuyên chở người và hàng hoá.
- Chất lượng: tốc độ chuyên chở, sự tiện nghi, sự an toàn.
- Tiêu chí đánh giá khối lượng dịch vụ của giao thông vận tải là:
  - ✓ Khối lượng vận chuyển (số lượt khách, số tấn hàng hoá);
  - ✓ Khối lượng luân chuyển (số lượt khách.km, số tấn.km);
  - ✓ Cự ly vận chuyển trung bình (km).
- Sự phân bố của ngành giao thông vận tải có tính đặc thù, theo mạng lưới (gồm các tuyến và các đầu mối giao thông).
- Khoa học - công nghệ làm thay đổi loại hình, chất lượng,... của ngành giao thông vận tải.

#### **3. Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố.**

- **Vị trí địa lý:** Ảnh hưởng đến sự có mặt của loại hình vận tải, sự hình thành các mạng lưới giao thông vận tải và sự kết nối của mạng lưới giao thông bên trong với mạng lưới giao thông bên ngoài lãnh thổ.
- **Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên:** Ảnh hưởng tới sự lựa chọn loại hình vận tải thích hợp, sự phân bố mạng lưới giao thông và sự hoạt động của các phương tiện vận tải.
- **Điều kiện kinh tế - xã hội:**
  - + Sự phát triển, phân bố các ngành kinh tế và dân cư: Ảnh hưởng tới sự hình thành các đầu mối và mạng lưới giao thông vận tải, quyết định khối lượng vận tải (hàng hóa, hành khách).
  - + Vốn đầu tư: Ảnh hưởng tới quy mô và tốc độ phát triển giao thông vận tải, loại hình giao thông vận tải.

+ Khoa học - công nghệ: Ảnh hưởng tới trình độ (vận tốc phương tiện, sự an toàn, sự tiện nghi,...) của giao thông vận tải

#### 4. Tình hình phát triển và phân bố

TT	Ngành	Ưu điểm	Nhược điểm	Phân bố
1	<b>Ngành vận tải đường sắt</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vận chuyển hàng nặng trên quãng đường xa.</li> <li>- Tốc độ nhanh, ổn định.</li> <li>- Giá rẻ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chỉ hoạt động trên những tuyến đường cố định có đặt sẵn đường ray.</li> <li>- Vốn đầu tư lớn để.</li> <li>- Cần nhiều nhân viên.</li> <li>- Ô nhiễm môi trường.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gắn liền với phân bố công nghiệp. Chủ yếu ở Châu Âu, Hoa Kỳ.</li> </ul>
2	<b>Ngành vận tải đường ô tô</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiện lợi, cơ động, thích ứng cao với các điều kiện địa hình.</li> <li>- Có hiệu quả kinh tế cao ở các cự li ngắn.</li> <li>- Phối hợp với các phương tiện khác.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng nhiều nguyên, nhiên liệu.</li> <li>- Ô nhiễm môi trường, ách tắc giao thông.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tây Âu, Hoa Kỳ.</li> </ul>
3	<b>Ngành vận tải đường sông, hồ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá rẻ, chở các hàng nặng công kênh, không cần nhanh.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, tốc độ chậm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoa Kỳ, LB Nga, Canada</li> </ul>
4	<b>Ngành vận tải đường biển</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo phần rất lớn trong vận tải hàng hóa quốc tế.</li> <li>- Khối lượng luân chuyển hàng hóa lớn nhất.</li> <li>- Giá khá rẻ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản phẩm chủ yếu là dầu thô và các sản phẩm dầu mỏ → ô nhiễm biển.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các cảng biển: ở hai bên bờ ĐTD và TBD.</li> <li>- Các kênh biển: kênh Xuy-ê, Panama, Ki-en.</li> <li>- Các nước có đội tàu buôn lớn: Nhật Bản, Libêria, Panama,...</li> </ul>
5	<b>Ngành vận tải đường hàng không</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo mối giao lưu quốc tế.</li> <li>- Sử dụng có hiệu quả thành tựu mới nhất của khoa học kỹ thuật.</li> <li>- Có cự ly vận chuyển trung bình lớn nhất.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Rất đắt, trọng tải thấp, ô nhiễm khí quyển</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Đức, LB Nga.</li> <li>- Các tuyến xuyên ĐTD.</li> <li>- Các tuyến nối Hoa Kỳ với khu vực châu Á Thái Bình Dương.</li> </ul>

## B. KĨ NĂNG

- Vẽ biểu đồ; nhận xét và giải thích.
- Xử lí, nhận xét bảng số liệu.
- Nhận dạng biểu đồ thích hợp.

## C. HÌNH THỨC

- Tỷ lệ năng lực nhận thức: 40% Biết – 30% Hiểu – 30% Vận dụng.
- Kiểm tra trên giấy: Trắc nghiệm nhiều lựa chọn, trắc nghiệm Đúng/ Sai: 8,0 điểm (32 câu); Tự luận: 2,0 điểm (02 câu)
- Thời gian làm bài: 45 phút.

**\* Học sinh chuẩn bị đầy đủ dụng cụ học tập (bút chì, bút bi, máy tính...) khi làm bài kiểm tra; ghi và tô đúng số báo danh, mã đề; ghi thông tin trên phiếu làm bài theo sự hướng dẫn của cán bộ coi kiểm tra.**

## D. CÂU HỎI THAM KHẢO

### 1. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn

**Câu 1.** Các ngành công nghiệp nào sau đây phải gắn với đội ngũ lao động kĩ thuật cao, công nhân lành nghề?

- A. Kĩ thuật điện, điện tử - tin học, cơ khí chính xác.
- B. Thực phẩm, điện tử - tin học, cơ khí chính xác.
- C. Dệt - may, kĩ thuật điện, hoá dầu, luyện kim màu.
- D. Da - giày, điện tử - tin học, vật liệu xây dựng.

**Câu 2.** Biểu hiện nào sau đây **không** thể hiện rõ vai trò chủ đạo của công nghiệp trong nền kinh tế quốc dân?

- A. Cung cấp tư liệu sản xuất cho tất cả các ngành kinh tế.
- B. Mở rộng thị trường lao động, tạo ra nhiều việc làm mới.
- C. Xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật cho các ngành kinh tế.
- D. Xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật cho đời sống con người.

**Câu 3.** Vai trò của công nghiệp đối với đời sống người dân là

- A. thúc đẩy nhiều ngành phát triển.
- B. tạo việc làm mới, tăng thu nhập.
- C. làm thay đổi phân công lao động.
- D. khai thác hiệu quả các tài nguyên.

**Câu 4.** Đặc điểm của sản xuất công nghiệp **không** phải là

- A. bao gồm có hai giai đoạn.
- B. có tính chất tập trung cao độ.
- C. gồm có nhiều ngành phức tạp.
- D. phụ thuộc nhiều vào tự nhiên.

**Câu 5.** Tính chất tập trung của sản xuất công nghiệp là trên một diện tích nhất định, **không** phải

- A. xây dựng nhiều xí nghiệp.
- B. thu hút nhiều người lao động.
- C. tạo khối lượng lớn sản phẩm.
- D. dùng nhiều kĩ thuật sản xuất.

**Câu 6.** Ngành công nghiệp năng lượng gồm

- A. khai thác than, khai thác dầu khí, điện lực.

- B. khai thác than, khai thác dầu khí, thủy điện.
- C. khai thác than, khai thác dầu khí, nhiệt điện.
- D. khai thác than, khai thác dầu khí, điện gió.

**Câu 7.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ngành công nghiệp khai thác than?

- A. Là ngành công nghiệp xuất hiện sớm nhất.
- B. Là nguồn năng lượng cơ bản, quan trọng.
- C. Phần lớn mỏ than tập trung ở bán cầu Bắc.
- D. Hiện nay có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất.

**Câu 8.** Trữ lượng dầu mỏ trên thế giới tập trung lớn nhất ở

- A. Trung Đông.
- B. Bắc Mỹ.
- C. Mỹ La-tinh.
- D. Tây Âu.

**Câu 9.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với công nghiệp điện?

- A. Điện không thể tồn kho, nhưng có khả năng vận chuyển đi xa.
- B. Nhà máy công suất càng lớn, thiết bị hiện đại, giá thành rẻ hơn.
- C. Nhiệt điện và thủy điện khác nhau về vốn, thời gian, giá thành.
- D. Không nhất thiết phải kết hợp các nhà máy nhiệt điện, thủy điện.

**Câu 10.** Nguồn năng lượng sạch gồm

- A. năng lượng mặt trời, sức gió, địa nhiệt.
- B. năng lượng mặt trời, sức gió, than đá.
- C. năng lượng mặt trời, sức gió, dầu khí.
- D. năng lượng mặt trời, sức gió, củi gỗ.

**Câu 11.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với công nghiệp điện tử - tin học?

- A. Là một ngành công nghiệp trẻ, bùng nổ từ năm 1990 lại đây.
- B. Được coi là một ngành kinh tế mũi nhọn của nhiều quốc gia.
- C. Là thước đo trình độ phát triển kinh tế - kỹ thuật của các nước.
- D. Chiếm nhiều diện tích rộng, tiêu thụ nhiều kim loại, điện nước.

**Câu 12.** Ngành nào sau đây **không** thuộc công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng?

- A. Dệt - may.
- B. Da - giày.
- C. Rượu, bia.
- D. Nhựa.

**Câu 13.** Ngành dệt - may hiện nay được phân bố rộng rãi ở nhiều nước **không** phải chủ yếu do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Nguồn nguyên liệu phong phú khắp nơi.
- B. Nguồn lao động dồi dào ở khắp các nước.
- C. Thị trường tiêu thụ sản phẩm rộng lớn.
- D. Hàng hoá có khả năng xuất khẩu rộng rãi.

**Câu 14.** Công nghiệp thực phẩm phân bố rộng khắp trên thế giới, **không** phải vì

- A. nguồn nguyên liệu phong phú khắp nơi.
- B. nguồn lao động dồi dào ở khắp các nước.
- C. thị trường tiêu thụ sản phẩm rộng lớn.
- D. hàng hoá có khả năng xuất khẩu rộng rãi.

**Câu 15.** Tổ chức lãnh thổ công nghiệp thể hiện sự phân bố của hoạt động sản xuất công nghiệp theo

- A. cơ cấu các ngành.
- B. tốc độ tăng trưởng.
- C. không gian lãnh thổ.
- D. thời gian phát triển.

**Câu 16.** Vai trò của tổ chức lãnh thổ công nghiệp về mặt xã hội là

- A. giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho lao động.
- B. sử dụng hợp lí, hiệu quả các nguồn lực trên lãnh thổ.
- C. thu hút đầu tư, tăng cường hợp tác giữa các xí nghiệp.
- D. tăng cường bảo vệ môi trường theo hướng bền vững.

**Câu 17.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với điểm công nghiệp?

- A. Đồng nhất với một điểm dân cư.
- B. Có 1 - 2 xí nghiệp gần nguyên liệu.
- C. Giữa các xí nghiệp không liên hệ.
- D. Sản xuất sản phẩm để xuất khẩu.

**Câu 18.** Phát biểu nào **không** đúng về một số hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp?

- A. Khu công nghiệp tổng hợp có cơ sở sản xuất cho xuất khẩu, tiêu dùng.
- B. Khu chế xuất là để bố trí các cơ sở công nghiệp chỉ dành cho xuất khẩu.
- C. Vùng công nghiệp là lãnh thổ sản xuất chuyên môn hoá và cấu trúc rõ.
- D. Trung tâm công nghiệp không có ngành sản xuất theo chuyên môn hoá.

**Câu 19.** Vai trò của dịch vụ đối với tài nguyên thiên nhiên là

- A. thúc đẩy phát triển công nghiệp và nông nghiệp.
- B. tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho người dân.
- C. giúp khai thác tốt hơn các tài nguyên thiên nhiên.
- D. góp phần sử dụng tốt nguồn lao động trong nước.

**Câu 20.** Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với ngành dịch vụ?

- A. Phần lớn sản phẩm là vô hình, phi vật chất.
- B. Việc sản xuất và tiêu dùng diễn ra đồng thời.
- C. Nhiều loại sản phẩm tồn trữ và lưu lại được.
- D. Người tiêu dùng cũng tham gia vào sản xuất.

**Câu 21.** Dịch vụ kinh doanh gồm

- A. bán buôn, bán lẻ, sửa chữa, du lịch, khách sạn, nhà hàng, các dịch vụ cá nhân.
- B. vận tải, bưu chính viễn thông, tài chính, bảo hiểm, kinh doanh tài sản, tư vấn.
- C. vận tải, bưu chính viễn thông, tài chính, bảo hiểm, kinh doanh tài sản, giáo dục.
- D. bán buôn, bán lẻ, sửa chữa, du lịch, khách sạn, nhà hàng, khoa học công nghệ.

**Câu 22.** Nhân tố nào sau đây có tác động lớn nhất đến sức mua, nhu cầu dịch vụ?

- A. Trình độ phát triển kinh tế.
- B. Quy mô và cơ cấu dân số.
- C. Mức sống và thu nhập thực tế.
- D. Phân bố và mạng lưới dân cư.

**Câu 23.** Nhân tố nào sau đây có tác động mạnh mẽ nhất đến cơ cấu ngành dịch vụ?

- A. Quy mô dân số.
- B. Tỷ suất giới tính.
- C. Cơ cấu theo tuổi.
- D. Gia tăng tự nhiên.

**Câu 24.** Yếu tố nào sau đây có quan hệ đặc biệt đến sự phát triển của du lịch quốc tế?

- A. Tài nguyên thiên nhiên, nhân văn độc đáo.
- B. Quy mô dân số lớn, gia tăng dân số nhanh.
- C. Hệ thống các cơ sở phục vụ du lịch hiện đại.
- D. Cơ sở hạ tầng được đầu tư phát triển mạnh.

**Câu 25.** Giao thông vận tải là ngành kinh tế

- A. không trực tiếp sản xuất ra hàng hóa.
- B. không làm thay đổi giá trị hàng hóa.
- C. có sản phẩm hầu hết đều phi vật chất.
- D. chỉ có mối quan hệ với công nghiệp.

**Câu 26.** Vai trò của giao thông vận tải đối với đời sống nhân dân là

- A. tạo các mối liên hệ kinh tế - xã hội giữa các địa phương.
- B. phục vụ nhu cầu đi lại của nhân dân trong và ngoài nước.
- C. tạo nên mối giao lưu kinh tế giữa các nước trên thế giới.
- D. góp phần thúc đẩy các hoạt động kinh tế, văn hóa ở vùng xa.

**Câu 27.** Khía cạnh nào sau đây của giao thông vận tải **không** chịu tác động chủ yếu của điều kiện tự nhiên?

- A. Sự có mặt một số loại hình vận tải.
- B. Vai trò của một số loại hình vận tải.
- C. Thiết kế các công trình giao thông.
- D. Sự phân bố các tuyến giao thông.

**Câu 28.** Ở vùng băng giá gần Bắc Cực, loại hình đi lại nào **không** được thuận tiện?

- A. Xe quệt.
- B. Trục thăng.
- C. Tàu phá băng.
- D. Ô tô.

**Câu 29.** Nhân tố nào sau đây có tác động quyết định đối với sự phát triển, phân bố và hoạt động của ngành giao thông vận tải?

- A. Sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế quốc dân.
- B. Quy mô với cơ cấu dân số và sự phân bố điểm dân cư.
- C. Sự phát triển các trung tâm và vùng công nghiệp lớn.
- D. Quy mô các điểm, khu, trung tâm và vùng công nghiệp.

**Câu 30.** Ưu điểm của giao thông vận tải đường biển là

- A. vận tải hàng nặng trên đường dài, giá rẻ, khá an toàn.
- B. tiện lợi, cơ động, phù hợp được với các kiểu địa hình.
- C. tốc độ cao, có nhiều ưu việt trong vận tải hành khách.
- D. vận chuyển hàng nặng, tốc độ nhanh ở địa hình phẳng.

**Câu 31.** Cho bảng số liệu:

**Khối lượng vận chuyển và luân chuyển hàng hóa trung bình của đường biển ở Việt Nam năm 2020**

Phương tiện vận tải	Khối lượng vận chuyển (triệu tấn)	Khối lượng luân chuyển (triệu tấn.km)
Đường biển	69,6	152 277,2

(Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/>)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, cự li vận chuyển trung bình của đường biển nước ta năm 2020 là

- A. 2188.
- B. 2100.
- C. 2180.
- D. 218.

**Câu 32.** Cho bảng số liệu:

**Số lượt khách du lịch quốc tế và doanh thu du lịch quốc tế thế giới giai đoạn 1990 - 2020**

Sản phẩm	Năm	2010	2019	2020
	Khách du lịch (triệu lượt người)		809	1 466
Doanh thu du lịch (triệu USD)		977 000	1 466 000	533 000

(Nguồn: <https://www.gso.gov.vn/>)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, chỉ tiêu bình quân của khách du lịch quốc tế thế giới giai

đoạn 2010 – 2020 là

- A. 1112.                      B. 1111.                      C. 1113.                      D. 1114.

**Câu 33.** Cho bảng số liệu:

**Số lượng khu công nghiệp, khu chế xuất đã đi vào hoạt động  
phân theo vùng ở nước ta, năm 2022**

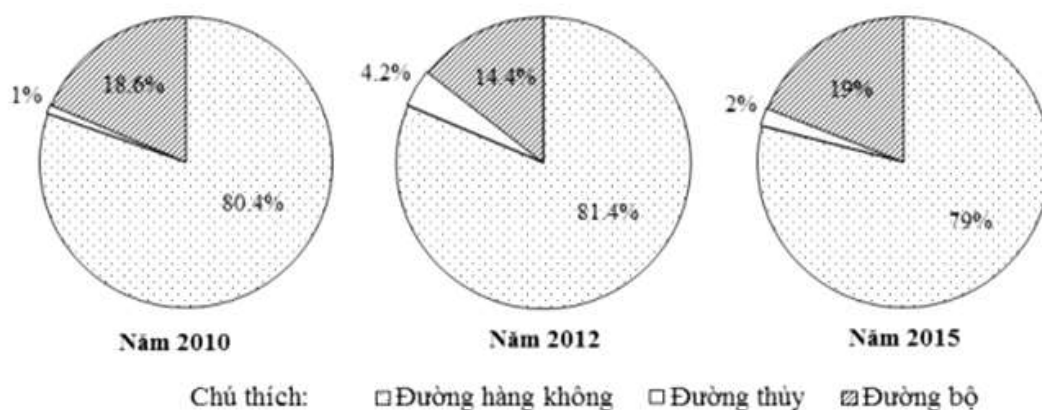
(Đơn vị: khu)

Vùng	Số lượng
Trung du và miền núi Bắc Bộ	22
Đồng bằng sông Hồng và duyên hải miền Trung	100
Đồng bằng Bắc Trung Bộ	42
Tây Nguyên	7
Đông Nam Bộ	72
Đồng bằng sông Cửu Long	50

Cho biết số lượng khu công nghiệp, khu chế xuất của vùng Đông Nam Bộ chiếm bao nhiêu % cả nước? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất)

- A. 24,6.                      B. 24.                      C. 25.                      D. 26,4.

**Câu 34.** Dựa vào biểu đồ sau, hãy cho biết nhận xét nào đúng nhất?



**BIỂU ĐỒ CƠ CẤU KHÁCH DU LỊCH QUỐC TẾ ĐẾN VIỆT NAM PHÂN THEO  
PHƯƠNG TIỆN ĐẾN**

- A. Khách du lịch quốc tế đến Việt Nam bằng đường bộ chiếm tỉ trọng thấp nhất, chưa ổn định.  
 B. Khách du lịch quốc tế đến Việt Nam chủ yếu bằng đường hàng không và có xu hướng ngày càng tăng.  
 C. Khách du lịch quốc tế đến Việt Nam bằng đường thủy chiếm tỉ trọng cao nhất, chưa ổn định.  
 D. Khách du lịch quốc tế đến Việt Nam bằng đường bộ tỉ trọng có sự thay đổi khác nhất với 2 loại hình còn lại.

**Câu 35.** Cho bảng số liệu sau:

**Gdp phân theo ngành kinh tế ở nước ta, giai đoạn 2016 – 2022**

(Đơn vị: Tỉ đồng)

Năm	Tổng số	Nông nghiệp	Công nghiệp	Dịch vụ
2016	3 054 470	497 879	986 593	1 569 998

<b>2018</b>	3 493 399	510 036	1 198 236	1 785 127
<b>2020</b>	3 847 182	573 230	1 296 500	1 977 452
<b>2022</b>	5 545 716	654 394	2 124 009	2 767 313

(Nguồn: Tổng cục thống kê Việt Nam)

Theo bảng số liệu, để thể hiện cơ cấu GDP phân theo ngành kinh tế ở nước ta, giai đoạn 2016 – 2022, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột.                      B. Đường.                      C. Miền.                      D. Tròn.

## 2. Trắc nghiệm đúng/ sai

**Câu 1.** Cho thông tin sau:

Đặc điểm của sản xuất công nghiệp là: gắn với máy móc, gồm nhiều công đoạn phức tạp. Các cuộc cách mạng công nghiệp với tác động của công nghệ số làm thay đổi mạnh mẽ cơ cấu ngành công nghiệp và hình thức tổ chức sản xuất công nghiệp. Sản xuất công nghiệp có sự tập trung hóa, chuyên môn hóa và hợp tác hóa. Ngành công nghiệp ngày càng tham gia mạnh mẽ vào chuỗi giá trị toàn cầu. Sản xuất công nghiệp ngày càng chú trọng đến bảo vệ môi trường.

- Sản xuất công nghiệp luôn gắn với máy móc và ngày càng hiện đại.
- Sản xuất công nghiệp có sự tập trung hóa, chuyên môn hóa và hạn chế sự thay đổi.
- Việc tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu đã làm giảm mức độ cạnh tranh của hàng hóa.
- Để phát triển bền vững trong công nghiệp cần chú trọng đến bảo vệ môi trường.

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

### Sản lượng than, dầu khí, điện thế giới năm 1990 và 2020

Năm	Than (tỉ tấn)	Dầu khí (tỉ tấn)	Điện (tỉ kWh)
1990	4,7	3,1	11890
2020	7,7	4,1	25865

(Nguồn: Ngân hàng thế giới, năm 2021)

- Sản lượng than, dầu và điện của thế giới đều tăng từ 1990 đến 2020.
- Sản lượng than có tốc độ tăng nhanh nhất.
- Sản lượng dầu khí có tốc độ tăng chậm nhất.
- Biểu đồ kết hợp là dạng biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện sản lượng than, dầu khí và điện của thế giới năm 1990 và 2020.

**Câu 3.** Cho thông tin sau:

Tổ chức lãnh thổ công nghiệp là việc bố trí, sắp xếp các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp để tạo nên không gian lãnh thổ công nghiệp các cấp khác nhau trên cơ sở sử dụng hợp lý các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội nhằm đạt hiệu quả cao nhất về kinh tế, xã hội và môi trường.

- Tổ chức lãnh thổ công nghiệp là việc bố trí các nhà máy, xí nghiệp một cách ngẫu nhiên trên một khu vực.
- Mục đích của tổ chức lãnh thổ công nghiệp là sử dụng hợp lý các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.
- Việc xác định các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp cần dựa trên điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội của từng địa phương.

d) Việc xác định các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp trên thế giới hiện nay không phụ thuộc vào vấn đề môi trường.

**Câu 4.** Cho thông tin sau:

Dịch vụ là những hoạt động nhằm thoả mãn các nhu cầu trong sản xuất và đời sống của con người. Cơ cấu của ngành dịch vụ rất đa dạng và phức tạp, là ngành có vai trò ngày càng quan trọng trong cơ cấu kinh tế của các quốc gia.

a) Dịch vụ góp phần khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

b) Dịch vụ là ngành tạo ra những sản phẩm vật chất cung cấp tư liệu sản xuất cho toàn bộ nền kinh tế và cung cấp lượng hàng tiêu dùng phong phú.

c) Do sự phát triển của khoa học – công nghệ đã làm xuất hiện nhiều loại hình dịch vụ mới như: viễn thông, thương mại điện tử, chuyển giao công nghệ...

d) Ở các nước phát triển, ngành dịch vụ thường chiếm tỉ trọng rất cao và ngày càng tăng trong cơ cấu nền kinh tế.

**Câu 5.** Cho bảng số liệu:

**Khối lượng vận chuyển và luân chuyển hàng hóa trung bình của các phương tiện vận tải của Việt Nam năm 2020**

Phương tiện vận tải	Khối lượng vận chuyển (nghìn tấn)	Khối lượng luân chuyển (triệu tấn.km)
Đường sắt	5 216,3	3 818,9
Đường ô tô	1 307 887,1	75 162,9
Đường sông	244 708,2	51 630,3
Đường biển	69 639,0	152 277,2
Đường hàng không	272,4	528,4
<b>Tổng số</b>	<b>1627713</b>	<b>283417,7</b>

(Nguồn: Ngân hàng thế giới, năm 2021)

a) Đường hàng không có khối lượng vận chuyển và khối lượng luân chuyển lớn nhất.

b) Đường biển có khối lượng vận chuyển lớn thứ ba và khối lượng luân chuyển lớn nhất.

c) Đường sông có khối lượng vận chuyển lớn thứ hai và khối lượng luân chuyển lớn thứ ba.

d) Đường ô tô có khối lượng vận chuyển lớn nhất do phạm vi vận chuyển rộng nhất.

### 3. Tự luận

**Câu 1.** Cho bảng số liệu:

**Sản lượng khai thác than và dầu mỏ trên thế giới, giai đoạn 2016 – 2022**

(Đơn vị: Triệu tấn)

Năm	2016	2018	2020	2022
<b>Than</b>	7314	7864	7622	8685
<b>Dầu mỏ</b>	4401	4492	4163	4457

(Nguồn: Ourworldindata.org)

1. Tính tốc độ tăng trưởng và vẽ biểu đồ thể hiện tốc độ tăng trưởng sản lượng khai thác than và dầu mỏ trên thế giới, giai đoạn 2016 – 2022.

2. Nhận xét.

**Câu 2.** Cho bảng số liệu:

**Khối lượng hàng hoá vận chuyển phân theo ngành vận tải nước ta  
giai đoạn 2010 – 2022**

*(Đơn vị: Nghìn tấn)*

<b>Năm</b>	<b>2010</b>	<b>2015</b>	<b>2020</b>	<b>2022</b>
Đường sắt	7861,5	6707,0	5216,3	5692,2
Đường biển	61593,2	60800,0	76086,2	89307,5

1. Tính tốc độ tăng trưởng và vẽ biểu đồ đường thể hiện tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hoá vận chuyển phân theo ngành vận tải nước ta giai đoạn 2010 – 2022.
2. Nhận xét về sự thay đổi tốc độ tăng trưởng khối lượng hàng hoá vận chuyển phân theo ngành vận tải nước ta giai đoạn 2010 – 2022.

----- **HẾT** -----